

Mẫu Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ trên Kênh quầy dành cho KHTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TRẢ LÃI CUỐI KỲ

TERM-END INTEREST PAYMENT TIME DEPOSIT AGREEMENT

Số: [●]

No: [●]

Hôm nay, ngày [●] tháng [●] năm [●], tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh [●], chúng tôi gồm:

Today, dated [●], at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - [●] Branch, we are:

[TÊN TỔ CHỨC GỬI TIỀN]

[Corporation name]

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập/ Giấy phép hoạt động: [●]

Enterprise registration No/Business license No/Establishment license No:

Mã số thuế: [●] (cung cấp trong trường hợp khác với số đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập):

Tax code (provided if Tax code is different from Business license No/Establishment license No):

Địa chỉ: [●]

Address:

Điện thoại: [●]

Fax: [●]

Tel:

Fax:

Cư trú (Có/Không): [●]

Residence (Y/N)

Người đại diện: [●]

Representative:

Mẫu Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ trên Kênh quầy dành cho KHTC

Chức vụ: [●]

Position:

Theo văn bản ủy quyền số: [●]

Pursuant to the Power of Attorney No:

Số CCCD/ CMT/ Hộ chiếu: [●]

Ngày cấp: [●]

Nơi cấp: [●]

ID No/PP No:

Date issued:

Place issued:

*(Sau đây được gọi là **Bên A**);*

*(Hereinafter referred to as **Party A**)*

Và

And

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH [●]

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM – [●] BRANCH

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh¹ số: [●] do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh/Thành phố [●] cấp ngày [●] tháng [●] năm [●], đăng ký thay đổi lần thứ [●] ngày [●] tháng [●] năm [●]

Branch operation registration certificate No: [●] Issued by the Department of Planning and Investment of [●] Province/City on [●], with the [●] amendment registration on [●]

Địa chỉ: [●]

Address:

Điện thoại:[●]

Fax : [●]

Tel:

Fax:

Người đại diện: [●]

Representative:

Chức vụ: [●]

Position:

Theo văn bản ủy quyền/ văn bản ủy quyền lại số: [●]

Pursuant to the Power of Attorney No:

*(Sau đây được gọi là **Bên B**)*

¹ Trường hợp Trụ sở chính thực hiện ký Hợp đồng tiền gửi với khách hàng thì ghi thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VCB/ Fill with information in VCB's *Enterprise registration certificate if this Agreement is signed by VCB's Head office and Party A.*

(Hereinafter referred to as **Party B**)

Hai bên thoả thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (“**Hợp Đồng**”) với các điều khoản sau:

*The two parties agreed to execute this Time Deposit Agreement (“**Agreement**”) with the following terms and conditions:*

Điều 1. Điều khoản chung

Article 1. General provisions:

Bên A đồng ý gửi tiền có kỳ hạn đồng Việt Nam (VND)² tại Bên B như sau:

Party A agrees to make time deposit in Vietnam Dong (VND) at Party B as follows:

1.1. Số tiền gửi: [●]

Deposit amount:

(*Bằng chữ:* [●])

(In words: [●])

Vào ngày gửi tiền, Bên A đảm bảo có đủ Số tiền gửi trên tài khoản tiền gửi thanh toán số [●] của Bên A mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh [●]. Bên A ủy quyền cho Bên B toàn quyền tự động trích (ghi nợ) tài khoản tiền gửi thanh toán nói trên với giá trị Số tiền gửi như trên và ghi có vào một tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Bên A tại Bên B với các điều kiện như nêu tại Hợp Đồng này.

On the Deposit date, Party A has obligation to ensure Deposit amount in demand deposit account number [●] at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – [●] Branch. Party A authorizes Party B to have full right to automatically debit the demand deposit account with the above Deposit amount to credit in a time deposit account of Party A at Party B with terms and conditions defined in this Agreement.

1.2. Kỳ hạn gửi: [●] [Ngày/Tháng/Năm]

Deposit term: [●] Days/Months/Years

Ngày gửi tiền: [●]

Deposit date:

Ngày đến hạn: [●]

Maturity date:

Trường hợp Ngày đến hạn trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ thì Ngày đến hạn của Hợp

² Trường hợp tiền gửi bằng loại ngoại tệ khác thì thay bằng loại ngoại tệ tương ứng/ In case the deposit is in another foreign currency, replace correspondingly.

đồng sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo của Bên B.

In the case the Maturity date is due on a day which is not a business day, the Maturity date thereof shall be the next business day of Party B.

1.3. Lãi suất tiền gửi: [●]%/năm.

Deposit interest rate: [●]%/year

1.4. Phương thức trả lãi: Cuối kỳ. Tiền lãi tính trên cơ sở số dư và số ngày gửi tiền thực tế trên cơ sở 1 (một) năm tương ứng 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Số ngày gửi tiền thực tế được tính từ ngày nhận tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày tất toán khoản tiền gửi.

Interest payment method: In arrears. Interest accrues on a daily basis of a 365 day per year and the actual number of days elapsed from the Deposit date to the day prior to the Maturity date.

1.5. Cách xác định lãi tiền gửi:

Interest calculation formula:

Lãi tiền gửi = (Số tiền gửi x Số ngày gửi tiền thực tế x Lãi suất tiền gửi)/365

Interest = (Deposit amount x actual number of days x interest rate)/365

Điều 2. Đến hạn và kéo dài thời hạn gửi tiền

Article 2. Maturity and extend Deposit term

2.1. Chi trả lãi: Bên A lựa chọn phương thức chi trả lãi như sau³:

Interest payment: Party A chooses interest payment methods as follow:

Lãi nhập gốc

Interest plus Principal.

Lãi chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên A số [●] tại [●] – Chi nhánh [●].

Interest is transferred to Party A's demand deposit account number [●] at [●] – [●] Branch.

2.2. Chi trả gốc: Bên A lựa chọn phương thức chi trả gốc như sau⁴:

Principal payment: Party A chooses principal payment methods as follow:

Tự động gia hạn:

Auto-renew:

(i) Tại thời điểm đến hạn, trường hợp Bên A đáp ứng các điều kiện gửi tiền có kỳ hạn theo quy định hiện hành của Bên B và quy định pháp luật và Bên B

³ Chỉ đánh dấu vào 1 trong 2 lựa chọn/Choose only one option.

⁴ Chỉ đánh dấu vào 1 trong 2 lựa chọn/Choose only one option.

đang huy động kỳ hạn gửi nêu tại Khoản 1.2 Điều 1 Hợp đồng này: Bên B gia hạn khoản tiền gửi tại Khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng này với kỳ hạn bằng Kỳ hạn gửi tại Khoản 1.2 Điều 1 Hợp đồng này; hoặc

In Maturity date, if Party A meets Party B and the law's requirements of the Time deposit and Party B still has Deposit term in Article 1, Section 1.2 of this Agreement, Party B will extend Deposit amount in Article 1, Section 1.2 of this Agreement with Deposit term as defined in Article 1, Section 1.2 of this Agreement.

- (ii) Tại thời điểm đến hạn, trường hợp Bên A đáp ứng các điều kiện gửi tiền có kỳ hạn theo quy định hiện hành của Bên B và quy định pháp luật, tuy nhiên, Bên B không còn huy động kỳ hạn gửi nêu tại Khoản 1.2 Điều 1 Hợp đồng này: Bên B gia hạn khoản tiền gửi tại Khoản 1.1 Điều 1 Hợp Đồng này với kỳ hạn ngắn hơn liền kề theo quy định của Bên B; hoặc

In Maturity date, if Party A meets Party B and the law's requirements of the Time deposit but Party B no longer has Deposit term in Article 1, Section 1.2 of this Agreement, Party B will extend Deposit amount in Article 1, Section 1.2 of this Agreement with adjacent shorter deposit term as Party B's regulation.

- (iii) Tại thời điểm đến hạn, trường hợp Bên B không còn huy động kỳ hạn gửi nêu tại Khoản 1.2 Điều 1 Hợp đồng này cũng như bất cứ kỳ hạn gửi nào ngắn hơn hoặc Bên A không còn đáp ứng các điều kiện gửi tiền có kỳ hạn theo quy định hiện hành của Bên B và quy định pháp luật: Bên B thực hiện chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản tiền gửi có kỳ hạn về tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên A số [●] tại [●] – Chi nhánh [●].

In Maturity date, if Party B no longer has Deposit term stated in Article 1, Section 1.2 of this Agreement as well as any shorter term or Party A no longer meets Party B and the law's requirements of Time deposit, Party B will transfer all balance on the time deposit account to to Party A's demand deposit account number [●] at [●] – [●] Branch.

Tự động tất toán và thực hiện chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản tiền gửi có kỳ hạn về tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên A số [●] tại [●] – Chi nhánh [●].

Automatic settlement and transfer all balance on the time deposit account to Party A's demand deposit account number [●] at [●] – [●] Branch.

Điều 3. Chi trả trước hạn

Artical 3. Pre-matured payment

- 3.1. Trường hợp Bên A có nhu cầu rút trước hạn, Bên A không được quyền rút trước hạn một phần Số tiền gửi mà phải thực hiện rút toàn bộ Số tiền gửi tại Khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng này.

In the case Party A need to withdraw before the deposit term, Party A must withdraw all of the Deposit

amount in Article 1, Section 1.1 of this Agreement instead of partly withdrawal.

- 3.2. Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước ngày dự kiến rút tiền ít nhất 01 (một) ngày làm việc.

Party A must notice Party B in written form at least one (01) business day in advance.

- 3.3. Toàn bộ Số tiền gửi khi rút trước hạn sẽ được hưởng Lãi suất tiền gửi bằng mức lãi suất không kỳ hạn thấp nhất của Bên B theo loại đồng tiền của Hợp đồng này tương ứng với Số ngày gửi tiền thực tế tại thời điểm rút trước hạn. Toàn bộ số tiền gốc và lãi được chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên A số [●] tại [●] – Chi nhánh [●].

All of the pre-matured withdrawal amount will be applied the lowest effective demand deposit interest rate applicable for this Agreement's respective currency for the actual number of days elapsed from the Deposit date to the withdrawal date. All principal and interest of the Time deposit are transferred to Party A's demand deposit account number [●] at [●] – [●] Branch.

Điều 4. Quyền của Bên A

Article 4. Rights of Party A:

- 4.1. Được Bên B thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi tiền gửi có kỳ hạn theo thoả thuận tại Hợp đồng này.

To be fully paid by Party B the principal and interest of Time deposit under this Agreement.

- 4.2. Được quyền rút toàn bộ số tiền gửi sớm hơn kỳ hạn gửi theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng này.

To have the right to withdraw all of the Deposit amount earlier than the Deposit term as prescribed in Article 3 of this Agreement.

- 4.3. Được ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của Bên B trong từng thời kỳ.

To authorize others to use the Time deposit account in accordance with Party B's regulations from time to time.

- 4.4. Được yêu cầu Bên B tạm khóa tài khoản tiền gửi có kỳ hạn khi cần thiết.

To request Party B to temporarily lock the Time deposit account when necessary.

- 4.5. Được sử dụng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản bảo đảm để vay vốn, phát hành thẻ tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định của Bên B trong từng thời kỳ.

To use the Time deposit account as collateral for loan and credit cards in accordance with Party B and the law's regulations from time to time.

- 4.6. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Other rights as this Agreement and the law's regulations.

Điều 5. Nghĩa vụ của Bên A

Article 5. Obligations of Party A:

- 5.1. Thực hiện đúng các nội dung quy định tại Hợp đồng này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

To comply with the contents specified in this Agreement and other relevant regulations of the law.

- 5.2. Thông báo kịp thời cho Bên B khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng.

Timely notify Party B when detecting errors, mistakes on the account or suspecting that the account is being abused.

- 5.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin và chứng từ thanh toán mà mình cung cấp.

To have legal responsibility for the accurateness, faithful for information and documents provided to Party B.

- 5.4. Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin liên quan về mở và sử dụng tài khoản tại Bên B. Thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho Bên B khi có sự thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở tài khoản.

Fully, honestly and accurately provide required information to open and use Deposit account at Party B. Timely notify and provide Party B with relevant documents in case of changes in account opening information.

- 5.5. Chịu mọi trách nhiệm về những sai sót hay hành vi lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng tài khoản và các sai sót do lỗi của mình.

To have full responsibility for mistakes, misuse, fraudulence caused by Party A.

- 5.6. Không được cho thuê, cho mượn tài khoản.

Leasing or lending of the time deposit account are not allowed.

- 5.7. Cam kết nguồn gốc tài sản hợp pháp, minh bạch, không liên quan đến tội phạm, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và cấm vận. Không được sử dụng tài khoản của mình để thực hiện các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

To commit the origin of assets is legal, transparent and not – related to criminal, money laundering, terrorist financing, proliferation financing and embargo. Do not use the Time deposit account for the purpose of money laundering, terrorist financing, fraudulence or others prohibited by the law.

- 5.8. Tự bảo vệ các bí mật thông tin tài khoản, giao dịch của cá nhân do mình quản lý

để đảm bảo an toàn, bảo mật trong giao dịch thanh toán.

Keep confidential any account information in order to assure safety and privacy in payment transaction.

5.9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Other obligations as this Agreement and the law's regulations.

Điều 6. Quyền của Bên B

Article 6. Rights of Party B:

6.1. Không chịu trách nhiệm về tranh chấp do các thông tin thay đổi khác với thông tin lưu trên hệ thống thông tin của Bên B mà Bên A không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho Bên B.

Being exempt from responsibility over disputes caused by difference between customer information in banking systems of Party B and updated customer information whose changes were not provided to Party B.

6.2. Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin về Bên A và các bên liên quan theo quy định của pháp luật và của VCB về phòng, chống rửa tiền/chống tài trợ khủng bố/chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

To have the right to request Party A to provide full, clear and accurate information about Party A and related parties in accordance with VCB and the law's regulations on prevention of money laundering/anti-terrorist financing/anti-proliferation of mass destruction weapons.

6.3. Được xử lý tài sản bảo đảm là tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của pháp luật và quy định của Bên B.

To handle the collateral of Time deposit account of Party A in accordance with Party B and the law's regulations.

6.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Bên A và Bên B không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

Other rights as prescribed pursuant to the law or ahead-of-time agreement in written form between Party A and Party B which is not prohibited by the law.

6.5. Được quyền từ chối thực hiện giao dịch tiền gửi có kỳ hạn nếu Bên A không thực hiện theo đúng các quy định tại Hợp đồng này.

To have the right to refuse Time deposit transaction if Party A fails to comply with this Agreement's regulation.

6.6. Được quyền áp dụng các biện pháp tạm thời (trì hoãn giao dịch, phong tỏa, tạm giữ,...), từ chối và/hoặc ngừng cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi phát hiện có rủi ro liên quan đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và của Bên B về phòng,

chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các quy định khác có liên quan.

To have the right to apply temporary measures (transaction delay, freeze, hold,...), refuse and/or stop providing products and services when detecting risks related to violate Party B and the law's regulations on money laundering prevention, anti-terrorist financing, anti-proliferation of mass destruction weapons and other relevant regulations

6.7. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Other rights as this Agreement and the law's regulations.

Điều 7. Nghĩa vụ của Bên B

Article 7. Obligations of Party B:

7.1. Chi trả đầy đủ tiền gốc, lãi tiền gửi có kỳ hạn cho Bên A theo Hợp đồng này.

Fully pay the principal and interest of the Time deposit to Party A under this Agreement.

7.2. Tại thời điểm gia hạn khoản tiền gửi, nếu có điều chỉnh lãi suất, Bên B thông báo mức lãi suất áp dụng với kỳ hạn mới cho Bên A bằng hình thức thông báo bằng văn bản hoặc Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản phù hợp quy định tại Điều 10 và Điều 12 Luật Giao dịch điện tử. Trường hợp các Bên có văn bản thỏa thuận bổ sung để gia hạn khoản tiền gửi, trong đó có quy định cụ thể mức lãi suất điều chỉnh theo thỏa thuận theo tỷ lệ %/năm thì thỏa thuận bổ sung này được coi như thông báo bằng văn bản.

On renewal date, if interest rate changes, Party B is obligated to inform the new interest rate to Party A in written form or in the form of Data message which is equivalent to written form and pursuant to Article 10, Article 12 of the Law on E-Transactions. In the case the two parties have Appendix to renew the time deposit account, in which the new interest rate is defined as %/year, the Appendix is considered as notice in written form.

7.3. Trường hợp Bên A rút tiền trước hạn, Bên B có nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi cho Bên A theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng này.

In the case Party A need to withdraw before the Deposit term, Party B is obligated to transfer the Deposit amount and interest to Party A under Article 3 of this Agreement.

7.4. Trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi cho Bên A theo quy định của Hợp đồng này mà không vì sự kiện bất khả kháng, Bên B sẽ chịu lãi phạt quá hạn với mức lãi suất: bằng 150% Lãi suất tiền gửi quy định tại Khoản 1.3 Điều 1 Hợp đồng này hoặc 150% Lãi suất tiền gửi theo thông báo gần nhất Bên B thông báo đến Bên A theo quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 Hợp đồng này (tùy theo mức lãi suất tiền gửi nào có hiệu lực áp dụng gần nhất) đối với số tiền chậm trả tính theo thời gian thực tế chậm trả.

In the case Party B fails to fulfill all of its responsibility to pay the Deposit amount and interest to Party A according to terms and conditions of this Agreement that is not because of force majeure events, Party B shall be subject to overdue penalty rate of 150% of the interest rate defined in Article 1, Section 1.3 or 150% of the latest interest rate informed by Party B to Party A in accordance with Article 7, Section 7.1 of this Agreement (depending on which interest rate is effective). The penalty amount shall be calculated on the actual overdue amount over actual overdue period of time.

- 7.5. Cập nhật kịp thời các thông tin khi có thông báo thay đổi nội dung trong hồ sơ mở tài khoản của Bên A. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của Bên B và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Timely update Party A's account information upon receipt of notice about information changes from Party A. Preserve and store all Party A's account documents strictly according to regulations of Party B and the State Bank of Vietnam.

- 7.6. Đảm bảo an toàn số dư trên tài khoản tiền gửi, bảo mật thông tin liên quan đến tài khoản tiền gửi và giao dịch trên tài khoản tiền gửi của Bên A tại Bên B theo quy định của pháp luật.

Keep safe the time deposit account balance and keep confidential all information related to accounts and transactions of Party A at Party B in conformity with relevant regulations of the law.

- 7.7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Other obligations as this Agreement and the law's regulations.

Điều 8. Xử lý trong trường hợp không giao dịch được trên tài khoản tiền gửi thanh toán

Article 8. Handling in case of transactions could not be made on demand deposit account

Trường hợp tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên A đăng ký để trích nợ mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và/hoặc nhận thanh toán gốc/lãi theo Hợp đồng này không thực hiện được giao dịch trong các trường hợp bao gồm nhưng không giới hạn: phong tỏa, đóng, tạm khóa, thay đổi trạng thái, Bên B chủ động thông báo với Bên A để phối hợp giải quyết.

If transactions could not be made on the demand deposit account registered to open time deposit account and/or to receive principal and/or interest in accordance with this Agreement due to reasons including but not limited to hold, stop payment, closed account, status restrictions, Party B shall notifies Party A to execute appropriate solutions.

Điều 9. Tra cứu thông tin khoản tiền gửi có kỳ hạn

Article 9. Time deposit account information inquiry

Trường hợp có nhu cầu tra cứu thông tin liên quan đến khoản tiền gửi theo Hợp

đồng này, Bên A có thể liên hệ với bất kỳ điểm giao dịch nào của Bên B trên toàn quốc hoặc thông qua các dịch vụ ngân hàng điện tử của Bên B cung cấp cho Bên A.

Party A could make information inquiry of the time deposit account under this Agreement by having direct contact with any transaction offices of Party B nationwide or using Internet Banking services provided by Party B.

Điều 10. Trường hợp nhàu nát, rách, mất Hợp đồng

Article 10. Crumpled, torn, lost Agreement

Trường hợp phát hiện Hợp đồng này bị nhàu nát và/hoặc rách và/hoặc mất, Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B bằng văn bản hoặc bằng hình thức Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản phù hợp quy định tại Điều 10 và Điều 12 Luật Giao dịch điện tử. Nếu không thông báo kịp thời, Bên B không chịu trách nhiệm khi Hợp đồng này bị lợi dụng vì bất kỳ mục đích nào.

In case this Agreement is crumpled and/or torn and/or lost, Party A is obliged to notice Party B immediately in writing or in the form of Data message which is equivalent to written form and pursuant to Article 10, Article 12 of the Law on E-Transactions. Otherwise, Party B shall be exempt from responsibility over disputes caused by misuse of the Agreement for any purposes.

Điều 11. Thông báo

Article 11. Notice

11.1. Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Hợp đồng này, tất cả các thông báo và thông tin khác được đưa ra theo Hợp đồng này phải lập thành văn bản bằng tiếng Việt và được gửi bằng (i) đường bưu điện hoặc (ii) giao trực tiếp đến các địa chỉ quy định tại phần giới thiệu các bên tham gia Hợp đồng này hoặc theo địa chỉ khác do các bên thông báo bằng văn bản cho nhau.

Unless otherwise stated in this Agreement, all notices and other information communicated under this Agreement shall be in writing in Vietnamese and sent by (i) post mail, or (ii) hand-delivery, to the address(es) of the parties in the introductory part of this Agreement or such other address(es) as notified in writing by a party to the other.

11.2. Mọi thông báo và thông tin trao đổi giữa hai bên sẽ được coi là nhận được ngay khi bên nhận nhận được qua (i) đường bưu điện hoặc (ii) giao trực tiếp trừ trường hợp Bên B thông báo cho Bên A bằng hình thức Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản phù hợp quy định tại Điều 10 và Điều 12 Luật Giao dịch điện tử theo quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 và Điều 10 Hợp đồng này.

All notices and information shall be considered "received" upon the receipt of the receiver through: (i) post mail, (ii) hand-delivery, except for the case Party B informs Party A in the form of Data message which is equivalent to written form and pursuant to Article 10, Article 12 of the Law on E-Transactions as stated in Article 7, Section 7.2 and Article 10 of this Agreement.

Điều 12. Bảo mật thông tin

Article 12. Confidentiality

Các bên cam kết không trực tiếp hoặc gián tiếp tiết lộ, cung cấp thông tin về nội dung, các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng này cũng như các Phụ lục liên quan (nếu có) cho bất kỳ một bên nào khác, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

The two parties agree to make a commitment not to directly or indirectly disclose or provide any information related to terms and conditions of this Agreement as well as attached Appendix (if any) to any third party, except where the parties are entitled to provide information upon request of competent governmental agencies in accordance to the law.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Article 13. Execution

13.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản quy định trong Hợp đồng này.

Two parties are committed to accurately perform terms and conditions defined in this Agreement.

13.2. Trường hợp cần thay đổi một trong những điều khoản của Hợp đồng này hay có vướng mắc thì việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được đại diện hợp pháp của các Bên ký tên, đóng dấu.

Any amendment to any term and condition in this Agreement or solutions to any obstacle arisen must be made with written consent by both parties with the representatives' signature and stamp (if any).

13.3. Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được hai Bên bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không giải quyết được, hai Bên đồng ý đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi có Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh [●] đặt trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Any dispute arising out of or relating to this Agreement shall be firstly resolved on a negotiation basis between the parties. In case the parties fail to reach an agreement, the parties agree to settle such dispute at the competent People's Court of Vietnam where the office of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - [●] Branch is located at the time of submitting the claim.

13.4. Hợp đồng này gồm có [●] trang, được lập thành [●] ([●]) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ [●] ([●]) bản. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý khi Bên B đã trả đầy đủ gốc, lãi và lãi phạt (nếu có) cho Bên A theo nội dung quy định tại Hợp đồng này.

This Agreement consists of [●] pages, shall be executed in [●] ([●]) originals with equal validity, each party shall keep [●] ([●]) originals. This Agreement shall come into effect on the date of the parties' signatures. This Agreement shall be automatically liquidated after Party B fulfills its obligation to make full payment of the Deposit amount, interest and penalty (if any) according to terms and regulations of

this Agreement.

- 13.5. Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Mọi vấn đề chưa được điều chỉnh bởi Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh bởi quy định của pháp luật.

This Agreement is made and regulated under the relevant laws of Vietnam. Any terms and conditions not stated in this Agreement shall follow regulations of the law. In case of any discrepancies between English and Vietnamese, the Vietnamese version shall prevail.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PARTY A

Representative

ĐẠI DIỆN BÊN B

PARTY B

Representative